TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 475 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**; bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Cù Ngô Ngọc Thịnh -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 20/9/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên Đơn:** Chị Trần Thuý N – sinh năm 1985.

2. **Bị đơn**: Anh Bùi Xuân T – sinh năm 1979.

Đều ĐKHKTT: Thôn NG, xã NH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị N; Vắng mặt: Anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thuý N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/10/2006 tại UBND xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Thôn NG, xã NH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hoà giải được. Nhiều lần chị chủ động nói chuyện với anh T nhằm tháo gỡ mọi khúc mắc, để vợ chồng cùng chung sống hoà hợp, hai con được hạnh phúc, nhưng mọi cố gắng của chị đều bất thành vì anh T không hợp tác; những mâu thuẫn, uất ức mỗi ngày một tích tụ, cuộc sống ngày càng thêm căng thẳng, anh T rất nhiều lần chửi bới, xúc phạm và đánh chị trước mặt các con. Từ năm 2020, anh T không qua lại giao tiếp hay có bất kỳ lời hỏi thăm nào đối với bố mẹ chị, nên mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng, không có cách nào giải quyết và gỡ bỏ, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tâm lý của các con chung. Anh T và chị đã ngủ riêng và sống ly thân từ tháng 05 năm 2022.

Đến nay, chị xác định mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Khánh D, sinh ngày 21/07/2009 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 05/10/2011.

Hiện tại chị đang làm giáo viên tại 02 trường là trường THCS CV và trường THCS CK, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, nên có thu nhập ổn định, mỗi tháng khoảng 15 triệu, có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/1cháu/1 tháng cho đến khi các con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Bùi Xuân T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống sau khi kết hôn như chị Trần Thuý N trình bày.

Theo anh, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên hai anh chị vẫn chung sống hạnh phúc, nhưng chị N đột nhiên muốn ly hôn. Chị N cố tình ngủ riêng và không cho anh cơ hội nói chuyện để vợ chồng hòa giải.

Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý, anh muốn gia đình đoàn tụ. Trường hợp chị N vẫn kiên quyết ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị N và anh có 02 con chung là cháu Bùi Khánh D sinh ngày 21/07/2009 và Bùi Minh Đ sinh ngày 05/10/2011.

Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh làm nghề tự do nhưng có đủ điều kiện nuôi con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Xuân T đã nhận các văn bản tố tụng, trình bày nguyện vọng nhưng không lên Tòa án làm việc

Nguyện vọng con chung: Cháu D và cháu Đ đều có nguyện vọng là muốn bố mẹ đoàn tụ để cùng nuôi dạy hai chị em. Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cả chị em muốn ở với mẹ là chị Trần Thuý N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn; riêng yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì đến nay không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho Chị N được ly hôn anh T. Đề nghị giao 02 con chung là cháu Bùi Khánh D và cháu Bùi Minh Đ cho Chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Đề nghị Ghi nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng huô con cho anh T. Về gtài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Trần Thuý N có đơn khởi kiện đối với anh Bùi Xuân T về việc xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Bùi Xuân T hiện đang cư trú tại Thôn NG, xã NH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Bùi Xuân T: Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thúy N và anh Bùi Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 05/10/2006, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân hợp pháp.

Chị N xin ly hôn, vì cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T đã có hành vi chửi bới, xúc phạm, đánh chị trước mặt các con, vợ chồng không còn hạnh phúc. Còn anh T cho rằng, vợ chồng vẫn hạnh phúc, chỉ mới phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm từ tháng 6 năm 2022 là do chị N cố tình xin ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để anh khuyên bảo chị N rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải thì anh T lại cố tình không đến, điều này thể hiện anh T không muốn khắc phục, cải thiện quan hệ vợ chồng, khả năng hàn gắn là rất khó do vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Khánh D sinh ngày 21/07/2009 và Bùi Minh Đ sinh ngày 05/10/2011.

Xét nghĩa vụ nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung; nguyện vọng của các cháu Bùi Khánh D và Bùi Minh Đ đều muốn ở với chị N. Để ổn định cuộc sống, học tập và theo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử giao các cháu: Bùi Khánh D và Bùi Minh Đ cho Chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Đến nay chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị N, tạm hoãn việc cấp nuôi con sau ly hôn cho anh T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thuý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Trần Thuý N được ly hôn với anh Bùi Xuân T.

2. Về con chung: Chị Trần Thuý N và anh Bùi Xuân T có 02 con chung là cháu Bùi Khánh D, sinh ngày 21/07/2009 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 05/10/2011.

Giao 02 con chung Bùi Khánh D và Bùi Minh Đ cho chị Trần Thuý N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Bùi Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn cho anh T cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thúy N phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0076122 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 05/8/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã TH, số 46, quyển 01/2006;
-Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CTPT SƠ THẨM

Nguyễn Thị Tuyết Mai